

Số: 339/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 05 tháng 02 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua danh mục các dự án, công trình
thu hồi đất và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng
sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh (đợt 01) năm 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
KHÓA XIV - KỲ HỌP THỨ 35**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật đất đai;

Căn cứ các nghị định của Chính phủ: Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Xét Tờ trình số 405/TTr-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2026, Tờ trình số 406/TTr-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo tiếp thu, giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 424/UBND-TC ngày 31 tháng 01 năm 2026, Văn bản số 481/UBND-XDMT ngày 04 tháng 02 năm 2026 và Văn bản số 491/UBND-XDMT ngày 05 tháng 02 năm 2026; Báo cáo thẩm tra số 31/BC-HĐND ngày 04 tháng 02 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục các dự án, công trình thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (đợt 01) năm 2026, gồm:

1. Danh mục 32 dự án, công trình thu hồi đất, với tổng diện tích đất cần thu hồi là 389,72 ha (*Chi tiết tại Biểu số 01 kèm theo*).

2. Danh mục 14 dự án, công trình quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác với tổng diện tích 215,68 ha rừng (*Chi tiết tại Biểu số 02 kèm theo*), gồm: 42,90 ha rừng tự nhiên (19,73 ha quy hoạch phòng hộ; 22,39 ha quy hoạch sản xuất và 0,78 ha ngoài quy hoạch ba loại rừng); 172,78 ha rừng trồng (22,31 ha quy hoạch phòng hộ; 150,47 ha quy hoạch sản xuất).

Điều 2. Điều chỉnh diện tích quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với 03 dự án, công trình đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 287/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2025 (*Chi tiết tại Biểu số 03 kèm theo*).

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết, đồng thời:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng các sở, ban, ngành và cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Hội đồng nhân dân tỉnh về tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ của các hồ sơ, tài liệu pháp lý được phê duyệt, xác nhận, giải quyết theo thẩm quyền; kết quả thẩm định về đối tượng, tiêu chí, căn cứ, số liệu, thông tin đảm bảo thống nhất, chính xác giữa hồ sơ và thực địa đối với các dự án, công trình; báo cáo tiếp thu, giải trình khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Chỉ quyết định thu hồi đất và quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác sau khi đã đảm bảo đầy đủ các thủ tục, điều kiện theo quy định của Luật Đất đai, Luật Lâm nghiệp, Luật Đầu tư và quy định pháp luật khác có liên quan (về chỉ tiêu sử dụng đất; tiến độ thực hiện dự án; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ có liên quan; xử lý các vi phạm trên đất khi chưa được giao đất, cho thuê đất (nếu có)...).

c) Chủ động rà soát đối với các dự án, công trình có điều chỉnh ranh giới, thay đổi diện tích dự án, cơ cấu đất, rừng thu hồi và chuyển mục đích sử dụng để thực hiện các thủ tục trình điều chỉnh, bổ sung; đồng thời tính toán đầy đủ các nghĩa vụ của chủ đầu tư phải thực hiện theo quy định đối với phần diện tích điều chỉnh. Cập nhật quy hoạch các dự án, công trình với quy hoạch các lớp đảm bảo đồng bộ, thống nhất theo các quy định của pháp luật quy hoạch.

d) Thường xuyên thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các dự án, công trình, đảm bảo các trình tự, thủ tục theo đúng quy định, mục tiêu sử dụng đất, rừng tiết kiệm, hiệu quả, không làm thất thoát tài sản, ngân sách nhà nước; kiên quyết xử lý, đề xuất hủy bỏ hoặc thu hồi chủ trương các dự án, công trình chậm tiến độ,

vi phạm pháp luật gây lãng phí các nguồn lực đất đai, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, người dân.

đ) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ Hội đồng nhân dân tỉnh hàng năm (tại kỳ họp thường lệ cuối năm) về kết quả triển khai, thực hiện Nghị quyết.

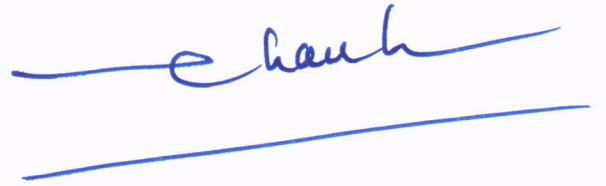
2. Thường trực, các ban, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIV, Kỳ họp thứ 35 thông qua ngày 05 tháng 02 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (báo cáo);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ, các tổ chức CTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ7,11.

CHỦ TỊCH



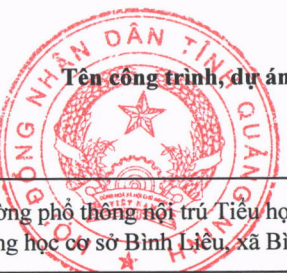
Trịnh Thị Minh Thanh

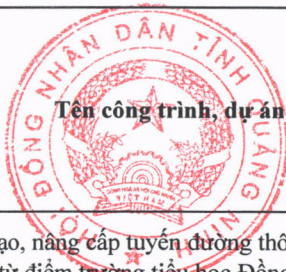
THÔNG QUA DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA CÔNG CỘNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH ĐỢT 1 NĂM 2026



(Kèm theo Nghị quyết số 339/NQ-HĐND ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

STT	 Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường, đặc khu)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Trong đó					
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Các loại đất NN còn lại	Đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng
	Tổng số: 32 công trình, dự án		1.101,15	389,72	45,17	114,18		15,05	111,65	103,66
1	Khai thác hầm lò mỏ Đồng Vông	Phường: Vàng Danh, Quảng La	41,61	4,00				4,00		
	Trong đó:	Phường Vàng Danh	40,94	3,33				3,33		
		Xã Quảng La	0,67	0,67				0,67		
2	Dự án Đường dây và TBA 110KV Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh	Xã: Ba Chẽ, Hải Lạng	9,97	1,94	0,06			1,59	0,01	0,28
	Trong đó:	Xã Ba Chẽ	7,84	1,52	0,06			1,17	0,01	0,28
		Xã Hải Lạng	2,13	0,42				0,42		
3	Cải tạo, mở rộng hòng đường tuyến phố Lam Sơn khu Yết Kiêu 3, phường Hồng Gai.	Phường Hồng Giai	0,21	0,08					0,01	0,07
4	Dự án Khu thương mại, tài chính, lưu chuyển hàng hóa, kho bãi, sản xuất tại khu vực hai bên đường dẫn cầu Bắc Luân II, phường Móng Cái 1, tỉnh Quảng Ninh	Phường Móng Cái 1	164,03	164,03	34,55				75,73	53,75
5	Khu tái định cư tại khu phố Hải Xuân 10A, khu phố Hải Xuân 10B, phường Móng Cái 1 (giai đoạn 1)	Phường Móng Cái 1	11,60	10,67	1,22				5,68	3,77
6	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Hải Sơn	Xã Hải Sơn	1,00	0,14					0,14	

STT	 Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường, đặc khu)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Trong đó					
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Các loại đất NN còn lại	Đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng
7	Trường phổ thông nội trú Tiểu học và Trung học cơ sở Bình Liêu, xã Bình Liêu	Xã Bình Liêu	3,05	1,12					0,99	0,13
8	Trường phổ thông nội trú Tiểu Học và Trung học cơ sở Hoành Mô, xã Hoành Mô, tỉnh Quảng Ninh (Giai đoạn 1)	Xã Hoành Mô	2,49	1,53	0,75				0,30	0,48
9	Trường phổ thông nội trú Tiểu học và Trung học cơ sở Đồng Tâm, xã Lục Hồn	Xã Lục Hồn	4,90	2,24	0,401			0,50	1,33	0,01
10	Xây dựng Làng Dân tộc Tày xã Lục Hồn (hạng mục: các tuyến đường giao thông và phụ trợ khác)	Xã Lục Hồn	1,90	0,90	0,20				0,65	0,05
11	Trường phổ thông nội trú Tiểu học và Trung học cơ sở Quảng Sơn	Xã Đường Hoa	1,35	0,43						0,43
12	Xây dựng cầu thay thế ngầm tràn bản Pác Sủi	Xã Đường Hoa	0,76	0,76				0,06	0,19	0,51
13	Khu tái định cư thôn Hải Thành, xã Quảng Đức	Xã Quảng Đức	3,25	3,25	1,63				0,4	1,22
14	Trường Mầm non Quảng Đức	Xã Quảng Đức	0,43	0,12					0,05	0,07
15	Trường Phổ thông nội trú Tiểu học và Trung học cơ sở Quảng Đức (giai đoạn 1)	Xã Quảng Đức	4,73	3,08				2,47		0,61
16	Cải tạo tuyến đường từ ngã tư thôn Làng Y đến cầu treo năm gian và đoạn đường từ ngã ba trường mầm non Xóm Khe đến bến tàu Xóm Khe, khu Đại Bình xã Đầm Hà	Xã Đầm Hà	1,94	0,36	0,10				0,13	0,13

STT	 Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường, đặc khu)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Trong đó					
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Các loại đất NN còn lại	Đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng
17	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường thôn Đồng Trà (từ điểm trường tiểu học Đồng Trà vào xóm Bằng Han)	Xã Thống Nhất	1,27	0,99	0,14			0,29	0,27	0,29
18	Xây mới cầu thay thế tràn Lương Kỳ 1 tại thôn Lương Kỳ	Xã Thống Nhất	1,88	1,73	0,11			0,94	0,35	0,33
19	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ TL 326 đến xóm Khe Ranh, thôn Đồng Lá	Xã Thống Nhất	0,40	0,10	0,004			0,04	0,06	
20	Dự án Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ TL 326 đến cánh đồng Ông Mô, thôn Đồng Lá	Xã Thống Nhất	0,46	0,14	0,03			0,04	0,03	0,04
21	Dự án Đầu tư xây dựng cầu Bến Mười, phường Móng Cái 3, tỉnh Quảng Ninh	Phường Móng Cái 3	0,74	0,43	0,02				0,21	0,20
22	Dự án Trạm trung chuyển chất thải xây dựng, vật liệu đất đá tại phường Móng Cái 3	Phường Móng Cái 3	2,55	2,45	1,99				0,47	
23	Dự án Khu đô thị sinh thái kết hợp công viên chuyên đề tại phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh.	Phường Quang Hanh.	20,25	20,25				0,08	6,10	14,06
24	Dự án khai thác lộ thiên khu Bắc Bằng Danh - Công ty CP Than Hà Tu - Vinacomin	Phường: Cao Xanh, Hà Tu	758,79	116,96		114,18		0,66		2,12
	Trong đó	Phường Cao Xanh	400,24	112,20		112,20				
		Phường Hà Tu	358,55	4,76		1,98		0,66		2,12
25	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Pắc Phai, xã Diên Xá giai đoạn 1 (dự án tái định cư)	Xã Diên Xá	1,49	1,49	0,03			1,15		0,31
26	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Đồng Tâm, xã Diên Xá (dự án tái định cư)	Xã Diên Xá	0,84	0,84	0,12				0,48	0,24

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường, đặc khu)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích cần thu hồi (ha)	Trong đó					
					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Các loại đất NN còn lại	Đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng
27	Nhà ở xã hội tại phường Việt Hưng và phường Hoàn Bồ	Phường: Việt Hưng, Hoàn Bồ	2,96	1,12					0,46	0,66
	Trong đó:	Việt Hưng	0,65	0,53					0,38	0,15
		Hoàn Bồ	2,31	0,59					0,08	0,51
28	Khu tái định cư tại tổ 3, khu Tân Lập phường Yên Tử, tỉnh Quảng Ninh	Phường Yên Tử	1,48	1,20	1,08					0,12
29	Khu tái định cư tại khu Bạch Đằng 1, phường Yên Tử	Phường Yên Tử	2,6	2,6	2,45					0,15
30	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục từ ngã 4 Quảng Thắng (cũ) đến sân bóng thôn Quang Lĩnh và đường nhánh vào Đình Quang Lĩnh	Xã Quảng Hà	5,70	1,58	0,05				0,62	0,91
31	Nâng cấp, cải tạo chỉnh trang và chống ngập lụt hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Hải Tân, xã Quảng Hà	Xã Quảng Hà	0,34	0,33						0,33
32	Bảo quản, tu bổ di tích lịch sử địa điểm khai thác than đầu tiên của Việt Nam tại núi Yên Lãng, phường Yên Thọ, thành phố Đông Triều (Giai đoạn II)	Phường Mạo Khê	46,18	42,85	0,24			3,22	17,00	22,39

4



THÔNG QUA DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỢT 1 NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 339/NQ-HĐND ngày 05/02/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường, đặc khu)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích rừng quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (ha)					
				Rừng sản xuất		Rừng phòng hộ		Ngoài quy hoạch ba loại rừng	
				Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng
1	Dự án Khu khai thác đất, đá làm vật liệu san lấp tại khu đồi thôn Hải Tiến 7, xã Hải Ninh, tỉnh Quảng Ninh	Xã Hải Ninh	51,460		13,580				
2	Đề án thăm dò khoáng sản than tại mỏ Đồng Vông – Uông Thượng, xã Quảng La và phường Vàng Danh (theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số 311/GP-BNNMT ngày 07/8/2025)	Xã Quảng La và phường Vàng Danh	10,820	0,040		7,940	0,130		
3	Đề án thăm dò than khu Cánh Gà - mỏ Vàng Danh thuộc phường Yên Tử và phường Vàng Danh, tỉnh Quảng Ninh (theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số 376/GP-BNNMT ngày 17/9/2025)	Phường Vàng Danh và phường Yên Tử	9,080	1,910		2,780	0,130		
4	Đề án thăm dò khoáng sản than tại khu vực mỏ Nam Mẫu, phường Yên Tử, tỉnh Quảng Ninh (theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số 374/GP-BNNMT ngày 17/9/2025)	Phường Yên Tử	10,650			7,220	0,200		
5	Dự án Đầu tư xây hạ tầng kỹ thuật Cụm Công nghiệp Quảng Đức	Xã Quảng Đức	69,440		46,190				
6	Dự án Trường phổ thông nội trú TH&THCS Quảng Đức, xã Quảng Đức, tỉnh Quảng Ninh.	Xã Quảng Đức	4,730		0,800				
7	Dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường đi qua địa bàn thôn Tân Ốc, xã Lương Minh để kết nối đường tỉnh 330 với quốc lộ 279 (qua trung tâm xã Đồng Sơn, thành phố Hạ Long cũ)	Xã Lương Minh	40,000		5,270				
8	Dự án Mở rộng khu bến bãi tại Km3 + Km 4, sông Ka Long, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái	Phường Móng Cái 3	46,460		10,380				
9	Dự án Đầu tư xây dựng cầu thay thế ngầm tràn thôn Pắc Sủi, xã Đường Hoa	Xã Đường Hoa	0,756		0,010				
10	Dự án Trường phổ thông nội trú TH&THCS Đồng Tâm, xã Lục Hồn, tỉnh Quảng Ninh.	Xã Lục Hồn	4,900		0,500				

STT	 Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện dự án (xã, phường, đặc khu)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích rừng quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (ha)					
				Rừng sản xuất		Rừng phòng hộ		Ngoài quy hoạch ba loại rừng	
				Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng
11	Dự án Bảo quản, tu bổ di tích lịch sử địa điểm khai thác than đầu tiên của Việt Nam tại núi Yên Lãng, phường Yên Thọ, thành phố Đông Triều (Giai đoạn II)	Phường Mạo Khê; phường Hoàng Quế	46,180		0,550				
12	Dự án Khai thác lộ thiên khu Bắc Bàng Danh tại các phường Hà Tu, Hà Phong, Hà Khánh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Phường Hà Tu; phường Cao Xanh	758,800		0,900		21,850		
13	Dự án Trung tâm xử lý chất thải rắn tại xã Thống Nhất, tỉnh Quảng Ninh	Xã Thống Nhất	71,470		6,770				
14	Dự án xây dựng Trung tâm Huấn luyện Quốc gia về phòng, chống khủng bố tại thị xã Quảng Yên, Quảng Ninh - Giai đoạn 2	Phường Hà An, phường Hiệp Hoà, phường Đông Mai, phường Quảng Yên	522,720	20,440	65,520	1,790		0,780	
Tổng cộng			1.647,466	22,390	150,470	19,730	22,310	0,780	

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐIỀU CHỈNH DIỆN TÍCH QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC
ĐÃ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÔNG QUA**

(Kèm theo Nghị quyết số 339/NQ-HĐND ngày 05/02/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh)



STT	 Tên Công trình, Dự án	Địa điểm thực hiện (xã, phường, đặc khu)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Diện tích rừng quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (ha)						Ghi Chú
				Rừng sản xuất		Rừng phòng hộ		Ngoài quy hoạch ba loại rừng		
				Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	
1	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác tại Nghị quyết số 287/NQ-HĐND ngày 17/7/2025									
	Dự án Xây dựng kè bảo vệ bờ sông biên giới tại các khu vực cột Mốc 1344/1(2) huyện Hải Hà; khu vực cột Mốc 1349 (2), khu vực cột Mốc 1360 (2), khu vực cột Mốc 1367 (2), khu vực cột Mốc 1370 (1), Đập dâng đầu tuyến kè Mốc 1348 (2) thành phố Móng Cái (theo Đề án 1740/ĐA-BNG-UBBG ngày 06/6/2019 của Bộ Ngoại Giao)	Xã Quảng Đức, Xã Hải Sơn, Phường Móng Cái 1, Phường Móng Cái 2	16,81		3,40		3,29			
	Diện tích quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác điều chỉnh lại như sau:									
	Dự án Xây dựng kè bảo vệ bờ sông biên giới tại các khu vực cột Mốc 1344/1(2) huyện Hải Hà; khu vực cột Mốc 1349 (2), khu vực cột Mốc 1360 (2), khu vực cột Mốc 1367 (2), khu vực cột Mốc 1370 (1), Đập dâng đầu tuyến kè Mốc 1348 (2) thành phố Móng Cái (theo Đề án 1740/ĐA-BNG-UBBG ngày 06/6/2019 của Bộ Ngoại Giao)	Xã Quảng Đức, Xã Hải Sơn, Phường Móng Cái 1, Phường Móng Cái 2	18,78		1,02		4,61			Điều chỉnh theo quy hoạch chi tiết xây dựng
2	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác tại Nghị quyết số 287/NQ-HĐND ngày 17/7/2025									
	Cầu bắc qua luồng sông Mang, xã Quan Lạn, huyện Vân Đồn	Đặc khu Vân Đồn	6,60		1,01					
	Diện tích quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác điều chỉnh lại như sau:									
	Cầu bắc qua luồng sông Mang, xã Quan Lạn, huyện Vân Đồn	Đặc khu Vân Đồn	9,84		0,76					Điều chỉnh theo quy hoạch chi tiết xây dựng
3	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác tại Nghị quyết số 287/NQ-HĐND ngày 17/7/2025									
	Đầu tư xây dựng nút giao kết nối Quốc lộ 18B với cao tốc Vân Đồn – Móng Cái	Xã Quảng Đức	21,25	0,70	3,63	0,22				
	Diện tích quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác điều chỉnh lại như sau:									
	Đầu tư xây dựng nút giao kết nối Quốc lộ 18B với cao tốc Vân Đồn – Móng Cái	Xã Quảng Đức	17,62	0,85	1,28	0,12				Điều chỉnh theo quy hoạch chi tiết xây dựng